

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Luxembourg)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	21
Ngày nghỉ	10
40 giờ tuần	168
36 giờ tuần	151.2
24 giờ tuần	100.8

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Lịch ngày	28
Ngày làm việc	20
Ngày nghỉ	8
40 giờ tuần	160
36 giờ tuần	144
24 giờ tuần	96

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	23
Ngày nghỉ	8
40 giờ tuần	184
36 giờ tuần	165.6
24 giờ tuần	110.4

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13					1	2	3
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Lịch ngày	30
Ngày làm việc	19
Ngày nghỉ	11
40 giờ tuần	152
36 giờ tuần	136.8
24 giờ tuần	91.2

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	20
Ngày nghỉ	11
40 giờ tuần	160
36 giờ tuần	144
24 giờ tuần	96

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22			1	2	3	4	5
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Lịch ngày	30
Ngày làm việc	20
Ngày nghỉ	10
40 giờ tuần	160
36 giờ tuần	144
24 giờ tuần	96

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26					1	2	3
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	21
Ngày nghỉ	10
40 giờ tuần	168
36 giờ tuần	151.2
24 giờ tuần	100.8

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	22
Ngày nghỉ	9
40 giờ tuần	176
36 giờ tuần	158.4
24 giờ tuần	105.6

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Lịch ngày	30
Ngày làm việc	22
Ngày nghỉ	8
40 giờ tuần	176
36 giờ tuần	158.4
24 giờ tuần	105.6

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	21
Ngày nghỉ	10
40 giờ tuần	168
36 giờ tuần	151.2
24 giờ tuần	100.8

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44		1	2	3	4	5	6
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Lịch ngày	30
Ngày làm việc	21
Ngày nghỉ	9
40 giờ tuần	168
36 giờ tuần	151.2
24 giờ tuần	100.8

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Lịch ngày	31
Ngày làm việc	21
Ngày nghỉ	10
40 giờ tuần	168
36 giờ tuần	151.2
24 giờ tuần	100.8

1 phần tư

Lịch ngày	90
Ngày làm việc	64
Ngày nghỉ	26
40 giờ tuần	512
36 giờ tuần	460.8
24 giờ tuần	307.2

2 phần tư

Lịch ngày	91
Ngày làm việc	59
Ngày nghỉ	32
40 giờ tuần	472
36 giờ tuần	424.8
24 giờ tuần	283.2

3 phần tư

Lịch ngày	92
Ngày làm việc	65
Ngày nghỉ	27
40 giờ tuần	520
36 giờ tuần	468
24 giờ tuần	312

4 phần tư

Lịch ngày	92
Ngày làm việc	63
Ngày nghỉ	29
40 giờ tuần	504
36 giờ tuần	453.6
24 giờ tuần	302.4

1 năm

Lịch ngày	365
Ngày làm việc	251
Ngày nghỉ	114
40 giờ tuần	2008
36 giờ tuần	1807.2
24 giờ tuần	1204.8